

NHÌN LẠI QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ SAU 30 NĂM ĐỔI MỚI

NGUYỄN TÂN VINH

Học viện Chính trị Khu vực II – vinhnguyentkpt@gmail.com

(Ngày nhận: 02/03/2017; Ngày nhận lại: 14/03/2017; Ngày duyệt đăng: 14/03/2017)

TÓM TẮT

Hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành một xu thế lớn của thế giới hiện đại và diễn ra mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam thì hội nhập kinh tế quốc tế là con đường tốt nhất để rút ngắn sự tụt hậu so với các nước khác. Bài viết này đề cập một số khía cạnh về lý luận và thực tiễn của khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế, tiến trình 30 năm hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, bài viết cũng nêu lên những thành tựu và vấn đề đặt ra trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Từ đó đề ra những giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Hội nhập; kinh tế quốc tế; hội nhập kinh tế quốc tế.

Looking back on the process of Vietnam's international economic integration after 30 years of renovation

ABSTRACT

International economic integration has become a major trend of the modern world and has been going strong in many areas. For developing countries like Vietnam, international economic integration is the best way to shorten the lag behind other countries. The paper mentions some aspects of the theory and practice of the concept of international integration, the 30-year process of international economic integration of Vietnam. Besides, the paper also pointed out the achievements and issues raised during the process of international economic integration of Vietnam. From that point, the author set out the measures to promote international economic integration in Vietnam in the future.

Keywords: Integration; international economics; international economic integration.

1. Đặt vấn đề

Hội nhập kinh tế quốc tế trở thành một xu thế thời đại và diễn ra mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Sự xuất hiện của các khối kinh tế và mâu dịch trên thế giới là một tất yếu khách quan, một nấc thang phát triển mới trong quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế. Khi gia nhập vào các tổ chức thương mại trong khu vực và trên thế giới, mỗi quốc gia đều muốn hướng tới một nền kinh tế phát triển, một xã hội văn minh, hiện đại, đời sống được cải thiện. Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam thì hội nhập kinh tế quốc tế là con đường tốt nhất để rút ngắn sự tụt hậu so với các nước khác và có điều kiện phát huy những lợi thế so sánh của mình trong phân công lao động và

hợp tác quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương lớn của Đảng ta, là nội dung trọng tâm của hội nhập quốc tế và là một bộ phận quan trọng, xuyên suốt của công cuộc đổi mới.

2. Quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập kinh tế quốc tế

Trong gần 30 năm đổi mới vừa qua, các chủ trương cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế được nêu tại các kỳ Đại hội Đảng; Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành ba Nghị quyết chuyên đề về hội nhập kinh tế quốc tế.

Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) mở ra bước ngoặt trong tư duy và thực tiễn hội nhập quốc tế của Đảng, của Việt

Nam. Đại hội chỉ rõ: “Muốn kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế; trước hết và chủ yếu là với Liên Xô, Lào và Campuchia, với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi”¹. Nghị quyết Đại hội cũng xác định nội dung chính của chính sách kinh tế đối ngoại trước hết bao gồm: đẩy mạnh xuất nhập khẩu, tranh thủ vốn viện trợ và vay dài hạn, khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài...

Đại hội Đảng lần thứ VII (năm 1991) đã xác định rõ chủ trương “độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại” với phương châm “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”², đánh dấu bước khởi đầu tiến trình hội nhập trong giai đoạn mới của nước ta.

Được thực tiễn kiểm chứng về sự đúng đắn của đường lối, chiến lược nói chung, chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền độc lập tự chủ nói riêng, phát huy những thành quả đạt được, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (6-1996) chỉ rõ: tình hình thế giới và khu vực tác động sâu sắc đến các mặt đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của nước ta, đưa đến những thuận lợi lớn, đồng thời cũng làm xuất hiện những thách thức và nguy cơ lớn. Do đó, “Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là củng cố môi trường hoà bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”³. Đại hội khẳng định: “Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam

muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng”⁴.

Bước vào thế kỷ mới, Đại hội (Đại biểu Toàn quốc lần thứ) IX của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”⁵.

Đồng thời, Đảng nhấn mạnh quan điểm Việt Nam, không chỉ “sẵn sàng là bạn” mà còn sẵn sàng “là đối tác tin cậy của các nước” và “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”. Đây là sự phản ánh một nấc thang cao hơn trong nhận thức và tư duy về đối ngoại nói chung và về hội nhập quốc tế nói riêng của Đảng trong thời kỳ đổi mới.

Đại hội (Đại biểu toàn quốc) Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X năm 2006 tiếp tục cụ thể hóa, đưa ra các chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”, “lấy lợi ích dân tộc làm mục tiêu cao nhất”, “hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương”, “chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương”.

Sau khi Việt Nam gia nhập WTO vào tháng 1 năm 2007, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 5 tháng 2 năm 2007 về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của WTO.

Tháng 01-2011, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới, trong đó có chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”. Từ “hội nhập kinh tế quốc tế” của các kỳ

đại hội trước, chuyển sang “hội nhập quốc tế” một cách toàn diện là một phát triển quan trọng về tư duy đối ngoại của Đảng ta. Chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” được Đại hội nêu ra thể hiện tầm nhìn chiến lược toàn diện của Đảng. Đây không chỉ là sự chủ động, tích cực hội nhập riêng ở lĩnh vực kinh tế và một số lĩnh vực khác, mà là sự tích cực mở rộng hội nhập với qui mô toàn diện, trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh... Bước phát triển này trong nhận thức và tư duy đối ngoại của Đảng, phản ánh những nhu cầu cấp thiết đối với sự nghiệp cách mạng nước ta trong bối cảnh quốc tế mới. Trong quá trình hội nhập cần phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, của toàn xã hội. Đó là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh, vừa có nhiều cơ hội vừa không ít thách thức, do đó cần tỉnh táo, khôn khéo và linh hoạt trong việc xử lý tính hai mặt của hội nhập tùy theo đối tượng, vấn đề, trường hợp, thời điểm cụ thể. Cần kết hợp chặt chẽ quá trình hội nhập quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng, nhằm củng cố chủ quyền và an ninh đất nước⁵.

Đến Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng đã nêu rõ những quan điểm chỉ đạo cụ thể về hội nhập quốc tế, trong đó khẳng định hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm và định hướng rõ trong 5 năm tới, hội nhập kinh tế quốc tế tập trung vào quá trình triển khai các cam kết đã ký kết.

Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng đã nêu rõ phương hướng đầy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế, đó là chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể; kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Đây cũng là một trong những phương hướng được Văn kiện Đại hội XII xác định để hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong nhiệm kỳ tới.

Như vậy, đường lối, chính sách hội nhập

kinh tế quốc tế hiện nay được Đảng ta khởi xướng từ khi bắt đầu thời kỳ Đổi mới. Qua mỗi kỳ đại hội, những nhận định, đánh giá, định hướng chính sách luôn có sự bổ sung, phát triển mới. Thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã đạt được những kết quả vững chắc, từng bước khẳng định vai trò của Việt Nam trong nền kinh tế khu vực và quốc tế.

3. Tiến trình 30 năm hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta

Sau gần 30 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, đất nước ta đã từng bước hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới, mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ với các nước, tham gia tích cực và có trách nhiệm tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế. Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước được hiện thực hóa một cách sinh động:

Trước hết, Việt Nam đã mở rộng quan hệ kinh tế với hàng loạt quốc gia và khu vực, trở thành thành viên của các tổ chức kinh tế, thương mại chủ chốt, tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng hiệu quả hơn. Nổi lại các quan hệ với các nước lớn: Trung Quốc, Hoa Kỳ, kết quả Chính phủ Mỹ tuyên bố bãi bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam năm 1994, Tổng thống Mỹ tuyên bố chính thức bình thường hóa quan hệ với Việt Nam năm 1995, tháng 7/2000, ký Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Khai thông và phát triển quan hệ với Nhật Bản và năm 1992 Chính phủ Nhật nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam. Năm 1991, Chính phủ Australia bãi bỏ lệnh cấm vận buôn bán với Việt Nam. Năm 1992, Việt Nam - Hàn Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ...

Về quan hệ hợp tác song phương, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trong tổ chức Liên hiệp quốc và có quan hệ kinh tế - thương mại, gần 60 Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 Hiệp định chống đánh thuế hai lần và nhiều Hiệp định hợp tác về văn hóa song phương với các nước và các tổ chức quốc tế. Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại với hơn

200 quốc gia và vùng lãnh thổ, được xem là một trong những nước có nền kinh tế hướng xuất khẩu mạnh mẽ nhất trong khối các nước ASEAN⁷.

Về hợp tác đa phương và khu vực: Việt Nam đã có mối quan hệ tích cực với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Quỹ tiền tệ thế giới, Ngân hàng thế giới. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được đẩy mạnh và đưa lên một tầm cao hơn bằng việc tham gia các tổ chức kinh tế, thương mại khu vực và thế giới, ký kết các hiệp định hợp tác kinh tế đa phương.

Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN và tham gia khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), từ tháng 1 năm 1996 bắt đầu thực hiện nghĩa vụ và các cam kết trong chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của AFTA, theo đó đến 1/1/2006, Việt Nam phải thực hiện đầy đủ các cam kết với mức thuế nhập khẩu còn 0 - 5% (trừ một số mặt hàng nông sản nhạy cảm sẽ thực hiện vào năm 2010), ngoài ra Việt Nam còn tham gia đàm phán các hiệp định, chương trình như: Hiệp định về thương mại, dịch vụ, chương trình hợp tác trong các lĩnh vực giao thông, nông nghiệp... Tháng 3 năm 1996, Việt Nam là thành viên sáng lập Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), nội dung hợp tác chủ yếu là tập trung vào quá trình tự do hóa thương mại, đầu tư và hợp tác giữa các nhà doanh nghiệp Á - Âu. Tháng 6 năm 1996, Việt Nam gửi đơn xin gia nhập Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), đến cuối năm 1998 được công nhận chính thức là thành viên của tổ chức này. Đây là Diễn đàn hợp tác kinh tế được thành lập từ năm 1998, đến nay có 21 nền kinh tế thành viên ở châu Á, châu Mỹ và châu Đại Dương. Tổng số dân của các thành viên APEC là 2,67 tỷ người, chiếm 41% dân số thế giới; tổng GDP khoảng 31,6 ngàn tỷ USD, bằng 57% GDP thế giới; tổng giá trị thương mại khoảng 5,5 ngàn tỷ USD, bằng khoảng 50% thương mại thế giới. Việt Nam đã chủ động, tích cực tham gia các hoạt động của Diễn đàn này một cách có hiệu quả.

Tháng 11-2006, sau một tuần Việt Nam gia nhập WTO, nước ta đã đăng cai tổ chức Tuần lễ cấp cao APEC lần thứ 14 rất thành công, tạo được tiếng vang lớn với nhiều ấn tượng tốt đẹp về một Việt Nam đang phát triển ổn định, giàu lòng mến khách và là một điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài, tạo nên sự tăng trưởng ngoạn mục trong thu hút FDI trong các năm 2007 và 2008⁸.

Đặc biệt, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã có một bước đi quan trọng khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO vào ngày 11 tháng 01 năm 2007 sau 11 năm đàm phán gia nhập Tổ chức này. Đây là sự kiện đánh dấu sự hội nhập toàn diện của Việt Nam vào kinh tế thế giới. Với việc gia nhập WTO, Việt Nam đã tiến hành nhiều cải cách chính sách kinh tế, thương mại, đầu tư đồng bộ, theo hướng minh bạch và tự do hóa hơn, góp phần quan trọng cho việc xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Trong những năm gần đây, thế giới đang được chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng của các Hiệp định thương mại tự do để thiết lập các Khu vực thương mại tự do. Phù hợp với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế của thế giới và khu vực, tiến trình đàm phán và ký kết các FTA của Việt Nam đã được khởi động và triển khai cùng với tiến trình gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực. Đến nay, Việt Nam đã tham gia thiết lập FTA với 15 nước trong khung khổ của 6 FTA khu vực, bao gồm: ASEAN – Trung Quốc vào năm 2004, ASEAN – Hàn Quốc vào năm 2006, ASEAN – Nhật Bản năm 2008, ASEAN – Ôt-xtrây-li-a và ASEAN – Niu-Di-lân vào năm 2009, ASEAN – Ấn Độ năm 2009.

Ngoài việc ký kết và tham gia các Hiệp định Thương mại tự do với tư cách là thành viên khối ASEAN thì Hiệp định Thương mại tự do đầu tiên mà Việt Nam ký kết với tư cách là một bên độc lập là Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (2008), tiếp đó là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Chi Lê (11/11/2011). Ngoài ra, Việt Nam cũng tích cực chủ động tham gia sâu vào diễn đàn Hợp

tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), đã đăng cai năm APEC 2006 và tiến tới sẽ đăng cai APEC năm 2017 với hàng trăm cuộc họp từ cấp chuyên viên đến cấp cao.

Điểm nổi bật hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là tháng 10/2015 Việt Nam đã hoàn tất đàm phán để ký kết Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) vào tháng 02/2016. Đây là một Hiệp định được kỳ vọng sẽ trở thành một khuôn khổ thương mại toàn diện, có chất lượng cao và là khuôn mẫu cho các Hiệp định thế kỷ 21. Việc tham gia vào Hiệp định TPP sẽ giúp Việt Nam nắm bắt và tận dụng tốt hơn các cơ hội do quá trình hội nhập kinh tế khu vực đem lại, đồng thời Việt Nam có thêm điều kiện, tranh thủ hợp tác quốc tế để phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, triển khai chiến lược hội nhập quốc tế nói chung và chiến lược đối ngoại ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói riêng.

4. Thành tựu và những vấn đề đặt ra của hội nhập kinh tế sau 30 năm đổi mới

4.1. Thành tựu

Một là, hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, tiếp thu tinh hoa của văn minh nhân loại, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố niềm tin của mọi tầng lớp nhân dân và gửi đi thông điệp đến cộng đồng quốc tế sự thân thiện của người dân Việt Nam, điều này góp vào sự nghiệp phát triển và đổi mới của đất nước, góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Hai là, hội nhập kinh tế quốc tế tác động mạnh đến sự tăng trưởng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường trong một số lĩnh vực cụ thể như: công nghiệp, thương mại, các ngành dịch vụ...; thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế, đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tích cực, phù hợp với chủ trương công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, theo đó tập trung nhiều hơn vào các mặt hàng chế biến, chế tạo có giá trị và hàm lượng công

nghệ và giá trị gia tăng cao hơn...

Ba là, hội nhập kinh tế quốc tế thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam đã phát triển mạnh giúp gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu Việt Nam, mở rộng các loại hàng hóa tham gia xuất nhập khẩu. Thương mại quốc tế đã đóng góp phần lớn cho tăng trưởng GDP của Việt Nam và góp phần lớn vào tạo việc làm cho lao động.

Về xuất khẩu, quá trình tích cực, chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian qua đã giúp Việt Nam có điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu dựa trên những lợi thế cạnh tranh: nguồn tài nguyên phong phú, nguồn lực lao động dồi dào, giá rẻ và sự ổn định chính trị và kinh tế - xã hội... Nhờ đó, hoạt động xuất khẩu đã không ngừng tăng trưởng cả về quy mô và tốc độ, cũng như mặt hàng xuất khẩu chủ lực và trở thành động lực chính, quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Về nhập khẩu, Việt Nam đã chuyển vị thế từ nước nhập siêu lớn sang xuất siêu. Năm 1976, Việt Nam nhập siêu 801,4 triệu USD; tỷ lệ nhập siêu so với xuất khẩu lên đến 360%. Từ năm 2012 đến nay, Việt Nam đã xuất siêu hàng hóa (năm 2012 là 780 triệu USD, năm 2013 là 9 triệu USD). Năm 2014, xuất siêu khoảng 2 tỷ USD⁹. Cán cân thương mại được cải thiện, cùng một số yếu tố khác đã góp phần cải thiện cán cân thanh toán, tăng dự trữ ngoại hối, tăng an toàn tài chính và thanh khoản của quốc gia.

Bốn là, thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam đạt được nhiều kết quả khởi sắc.

Kể từ khi Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài có hiệu lực (năm 1988), FDI vào Việt Nam ngày càng tăng cả về dự án, vốn đăng ký và số nước, vùng lãnh thổ. Việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là cam kết gia nhập WTO đã giúp hoàn thiện và làm minh bạch hệ thống pháp luật, nâng cao sức hấp dẫn của Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Bảng 1

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 1988 - 2015

Đơn vị tính: tỷ USD

Năm	Tổng vốn đăng ký	Tổng vốn thực hiện
1988	0,342	-
1989	0,526	-
1990	0,735	-
1988-1990	1,603	-
1991	1,284	0,429
1992	2,078	0,575
1993	1,839	1,118
1994	4,262	2,241
1995	7,925	2,792
1991-1995	17,388	7,155
1996	9,635	2,938
1997	5,956	3,277
1998	4,873	2,372
1999	2,283	2,528
2000	2,763	2,399
1996-2000	25,510	13,514
2001	3,266	2,226
2002	2,993	2,885
2003	3,173	2,723
2004	4,534	2,708
2005	6,840	3,301
2001-2005	20,806	13,843
2006	12,004	4,100
2007	21,349	8,034
2008	71,727	11,500
2009	23,108	10,001
2010	19,887	11,000
2006-2010	148,075	44,635
2011	15,619	11,000
2012	16,348	10,047
2013	22,352	11,500
2014	21,922	12,500
Sơ bộ 2015	22,760	14,500
2011-2015	99,001	59,547
Tổng cộng	312,384	138,694

Nguồn: Kinh tế 2015-2016 Việt Nam và Thế giới, trang 96.

Giai đoạn 2001-2010 là giai đoạn bùng nổ vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, với tổng vốn đăng ký trong giai đoạn này là trên 168,6 287 tỷ USD, vốn thực hiện là trên 58,4 tỷ USD. Đây cũng là giai đoạn đánh dấu sự chuyển dịch vốn FDI vào các ngành công nghiệp đòi hỏi vốn lớn, công nghệ cao, điều đó cũng chứng minh cho sự tin tưởng của các nhà đầu tư ngày càng vững chắc vào chính sách

đầu tư nước ngoài của Việt Nam, tin tưởng vào chính sách nhất quán trong phát triển kinh tế đối ngoại rộng mở của Việt Nam.

Năm 2015, có 2.013 dự án FDI được cấp mới và 814 dự án được đăng ký tăng vốn, với tổng vốn đăng ký đạt 22,757 tỷ USD, tăng 12,5% so với năm 2014. Vốn FDI giải ngân đạt 14,5 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2014¹⁰.

Bảng 2

Các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư lớn nhất vào Việt Nam

TT	Đối tác đầu tư	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD)	Quy mô dự án bình quân (Triệu USD/DA)
1	Hàn Quốc	4.892	44.452.4	9.08
2	Nhật Bản	2.830	39.176.2	13.84
3	Singapore	1.497	34.168.2	23.10
4	Đài Loan	2.497	29.866.7	11.96
5	BritishVirginIslands	603	19.209.2	0.03
6	Hồng Kông	972	16.799.1	0.01
7	Malaysia	516	13.282.9	0.02
8	Hoa Kỳ	779	11.217.9	0.01
9	Trung Quốc	1.271	8.718.7	6.85
10	Thái Lan	409	7.011.5	0.01

Nguồn: Tính toán của tác giả từ nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê và Cục Đầu tư nước ngoài.

Tính đến hết năm 2015, đã có 101 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam, trong đó Hàn Quốc dẫn đầu với tổng vốn đầu tư cấp mới và vốn mở rộng hiện có 44.452.4 triệu USD vốn đầu tư đăng ký vào Việt Nam.

Ba là, với việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại trong quá trình hội nhập, nước ta ngày càng năng động tiếp thu khoa học và công nghệ, kỹ năng quản lý, góp phần đào tạo một đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ kinh doanh.

Hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội cho Việt Nam đa dạng hóa đối tác đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư có tiềm lực về vốn và công

nghệ. Trước đây các đối tác đầu tư vào Việt Nam chủ yếu là các quốc gia đến từ châu Á với vốn ít, thâm dụng lao động... Tuy nhiên, kể từ khi Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế, Việt Nam thu hút ngày càng nhiều các đối tác đến từ các nước châu Âu, Mỹ... Những năm qua, các dự án FDI trở thành một trong những kênh chuyển giao công nghệ quan trọng, góp phần nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế nước ta. Có thể thấy, tác động lan tỏa công nghệ của khu vực FDI được thực hiện thông qua mối liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước, qua đó tạo điều kiện để doanh nghiệp trong nước tiếp cận

hoạt động chuyển giao công nghệ.

Bốn là, hội nhập kinh tế quốc tế còn đưa lại một thành tựu đáng chú ý là từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh, tạo tư duy làm ăn mới, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tham gia chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất khu vực, chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tích cực, tập trung nhiều hơn vào các mặt hàng chế biến, chế tạo có giá trị và hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn (Năm 2015, công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành động lực chính cho tăng trưởng GDP).

Đặc biệt, tham gia TPP là cơ hội để Việt Nam gia nhập vào các chuỗi cung ứng của nhiều tập đoàn lớn trên thế giới, nhất là chuỗi cung ứng hàng điện tử, công nghệ cao (do các nước TPP chiếm tới 40% GDP và 30% thương mại toàn cầu); cơ cấu lại thị trường xuất nhập khẩu theo hướng cân bằng hơn, không quá dựa vào thị trường Trung Quốc và Đông Á. Hoa Kỳ và các nước dành linh hoạt cho ta tiếp cận tiêu chuẩn TPP có thời gian chuyển đổi, lộ trình tối đa cho các nghĩa vụ khó nhất lên đến 20 năm. Ta có cơ hội tận dụng các ưu đãi, mở cửa thị trường của các nước để phát triển, thu hút mạnh đầu tư và công nghệ tiên tiến, chủ yếu từ Hoa Kỳ, Nhật Bản; các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tham gia đấu thầu mua sắm Chính phủ các nước, có cơ hội tiếp cận thị trường dịch vụ và đầu tư các nước của TPP.

Năm là, hội nhập kinh tế quốc tế góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế, cải thiện tích cực môi trường trong nước

Hội nhập kinh tế quốc tế tạo hiệu ứng tích cực thúc đẩy cải cách và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, hoàn thiện môi trường kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế nước ta trong dài hạn, tạo ra môi trường kinh doanh ngày càng bình đẳng, minh bạch, dễ dự đoán hơn và ngày càng phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Trong

thời gian gần 10 năm trở lại đây, để thực hiện các cam kết gia nhập WTO như tự do hóa quyền kinh doanh xuất, nhập khẩu, xóa bỏ các hạn chế xuất, nhập khẩu, xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu gây bóp méo cạnh tranh, giảm thiểu sự can thiệp của Nhà nước vào hoạt động của doanh nghiệp, các cam kết mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ, minh bạch hóa chính sách... hệ thống pháp luật của ta đã và đang tiếp tục được hoàn thiện theo hướng ngày càng trở nên rõ ràng, minh bạch hơn, tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng trong nước.

4.2. Những vấn đề đặt ra trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, song trong tương lai Việt Nam phải giải quyết những vấn đề đặt ra trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế:

Một là, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế là một nhân tố tất yếu để phát triển, nhưng chúng ta còn thiếu nhất quán và lúng túng, bị động trong việc xử lý mối quan hệ giữa mặt tích cực và tiêu cực của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữa độc lập tự chủ về kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, lúng túng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa hội nhập đồng thời nhiều cấp độ hơn, sâu hơn, rộng hơn, đa dạng hơn... với việc giữ vững bản sắc văn hoá dân tộc. Đối chiếu với quan điểm hội nhập cần có “kế hoạch và lộ trình hợp lý” có thể thấy, Việt Nam đã và đang từng bước chủ động hội nhập quốc tế; sau mỗi bước hội nhập chúng ta đều xây dựng chương trình hành động, tuy nhiên đôi khi các chương trình hành động này còn xa rời thực tiễn; việc thực thi còn nhiều lúng túng, thậm chí lãng quên, buông lỏng giữa chừng.

Hai là, sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm của ta mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn yếu so với các nước, kể cả các nước trong khu vực. Nước ta mặc dù có số lượng doanh nghiệp khá lớn, nhưng vốn nhỏ, công nghệ trình độ thấp hơn, hầu hết doanh nghiệp chưa có khả năng tham gia chuỗi sản xuất toàn cầu, cho nên chỉ tham

gia làm gia công cho doanh nghiệp FDI. Trên thực tế, có hiện tượng cạnh tranh lẫn át giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước. Các ngành kinh tế, các doanh nghiệp mang tính mũi nhọn, có khả năng vươn ra chiếm lĩnh thị trường khu vực và thế giới chưa nhiều, chưa có khả năng đi đầu, kéo các ngành, các doanh nghiệp khác cùng phát triển. Một số sản phẩm đã gặp khó khăn trong cạnh tranh, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu dù cao hơn nhiều các nước khác trong khu vực nhưng bắt đầu có xu hướng giảm, cơ cấu hàng xuất khẩu còn nghèo nàn.

Ba là, các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng quan hệ trong các lĩnh vực khác chưa được triển khai đồng bộ, nhịp nhàng trong một chiến lược tổng thể. Cơ chế chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình hội nhập từ Trung ương đến địa phương, giữa các ban, ngành còn nhiều bất cập. Chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng chậm được cải thiện.

Bốn là, công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế nhìn chung còn không ít bất cập, chưa thật sự ngang tầm chiến lược của thời kỳ chủ động và tích cực hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập.

Năm là, mặc dù hoạt động thu hút nguồn vốn FDI đã đạt được những kết quả khả quan và có những đóng góp nhất định đối với nền kinh tế, nhưng khu vực doanh nghiệp FDI vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Cơ cấu đầu tư theo ngành của khu vực FDI còn mất cân đối, chưa phù hợp với chủ trương khuyến khích và ưu đãi phát triển ngành, lĩnh vực. Đóng góp của FDI vào tăng trưởng kinh tế của nước ta còn chưa tương xứng với tiềm năng. Hiện tượng chuyển giá, trốn thuế phổ biến ở các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam gây thất thu ngân sách nhà nước, gây khó khăn cho công tác quản lý thuế ở các doanh nghiệp FDI. Có hiện tượng một số nhà đầu tư nước ngoài nhập

khẩu vào Việt Nam máy móc, thiết bị cũ, công nghệ lạc hậu, gây nên tình trạng tiêu hao nhiều năng lượng, ô nhiễm môi trường, không đảm bảo an toàn lao động. Việc chuyển giao công nghệ, sáng chế phát minh, giải pháp kỹ thuật từ doanh nghiệp FDI vào Việt Nam chưa tương xứng với vốn đầu tư, nhất là trong những ngành công nghệ cao như công nghiệp điện tử, ô tô, xe máy.

Sáu là, trước áp lực hoàn thiện hệ thống luật pháp và hệ thống thuế, một khi đã tham gia vào nền kinh tế thế giới tức là chúng ta chấp nhận “luật chơi” chung đồng thời cũng thực hiện đầy đủ các cam kết về minh bạch hóa hệ thống luật pháp và hệ thống thuế. Trong hội nhập, thuế quan còn đóng vai trò là nguồn thu ngân sách nhà nước, nay tham gia vào tiến trình hội nhập - tự do hóa và mở cửa thị trường, nên vị trí to lớn của thuế quan bị mất đi và do đó gây khó khăn cho ngân sách nhà nước, nếu không có khả năng tái cơ cấu các nguồn thu, rất có thể Chính phủ phải cắt giảm phúc lợi xã hội và vì thế làm tổn thương đến người nghèo, ảnh hưởng xấu đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Hệ thống pháp luật càng hoàn thiện sẽ trở thành nhân tố thu hút yếu tố ngoại lực cho tăng trưởng kinh tế.

5. Giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta trong thời gian tới

- *Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân về hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung.* Nâng cao hiểu biết và sự đồng thuận của cả xã hội, đặc biệt là của doanh nghiệp, doanh nhân đối với các thỏa thuận quốc tế, đặc biệt là cơ hội, thách thức và những yêu cầu phải đáp ứng khi tham gia và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới bằng các hình thức, nội dung tuyên truyền phù hợp và hiệu quả cho từng ngành hàng, hiệp hội, doanh nghiệp và cộng đồng. Chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Chủ động, kịp thời phát hiện, đấu tranh với các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch; bảo vệ đường lối, chủ trương

của Đảng về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế¹¹. Đặc biệt, các Bộ, ngành và địa phương cần chủ động đề ra chiến lược cụ thể rõ ràng trong ngắn, trung và dài hạn một cách có cơ sở khoa học trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời, liên tục tổng kết và rút ra kinh nghiệm trong quá trình hội nhập.

- *Việt Nam phải gắn kết giữa hội nhập kinh tế quốc tế với đẩy mạnh cải cách trong nước, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế trong tổng thể phát triển kinh tế-xã hội đất nước.* Trong thời gian tới, phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các FTA thế hệ mới. Vì vậy, Việt Nam cần tận dụng các cam kết quốc tế để mở rộng thị trường, tái phân bổ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế cũng như doanh nghiệp Việt Nam. Đặc biệt là cần gia tăng mức độ tự chủ, độc lập của nền kinh tế, tránh để bị phụ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể, giành vị trí cao hơn trong các chuỗi giá trị toàn cầu. Việt Nam cũng cần tận dụng chính hệ thống quy tắc và luật lệ của các tổ chức quốc tế để bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân Việt Nam trong quan hệ với đối tác nước ngoài.

- *Huy động mọi nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng: để phát triển các hoạt động kinh tế đối ngoại trong hội nhập quốc tế, nhất thiết đất nước phải có kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại.* Để huy động mọi nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng một cách thành công, cần thiết phải thực hiện minh bạch hóa và đơn giản hóa các thủ tục đầu tư, tăng cường kiểm tra kiểm soát việc vay vốn và sử dụng vốn vay một cách có hiệu quả. Kiên quyết triệt để chống lãng phí và tham nhũng để lấy lại niềm tin vào Chính phủ của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, niềm tin của nhân dân vào tiền thuế của mình được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả, không bị thất thoát bởi tệ nạn lãng phí và tham nhũng.

- *Việt Nam cần tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ cao để đón đầu những cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.* Lợi thế lao động giá rẻ không phải là lợi thế lâu dài để thúc đẩy hội nhập. Việc thiếu hụt nhân lực trình độ cao chính là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến khả năng hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Vì vậy, trong thời gian tới, nước ta cần tập trung tăng cường nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó đặc biệt coi trọng năng lực cán bộ, phân bổ hiệu quả nguồn nhân lực, tăng cường nâng cao nhận thức cho các nhà hoạch định chính sách, cán bộ cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nhân về quyền lợi và nghĩa vụ của Việt Nam khi hội nhập kinh tế quốc tế. Song song với việc thực hiện cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, một nhiệm vụ rất quan trọng đặt ra cho các nhà hoạch định chính sách là phải xây dựng chính sách theo hướng tự do hóa thương mại đồng thời thúc đẩy sản xuất kinh doanh trong nước, tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp non trẻ. Về phía doanh nghiệp, nâng cao nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể là các quyền và nghĩa vụ của Việt Nam khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, các nguyên tắc, quy định cơ bản của WTO và diễn đàn thương mại khu vực nhằm giúp doanh nghiệp hiểu và vận dụng tối đa lợi ích của hội nhập kinh tế quốc tế trong kinh doanh, tự bảo vệ mình trong các tranh chấp thương mại quốc tế.

- *Xây dựng được một tiềm lực kinh tế vững chắc, đủ mạnh để trên cơ sở đó, khai thác một cách tối đa và có hiệu quả các lợi thế cạnh tranh, đối phó thắng lợi với những thách thức nảy sinh.* Điều đó đòi hỏi chúng ta không những phải không ngừng nâng cao mức tích lũy từ chính nền kinh tế quốc gia, mà còn phải xây dựng được một cơ cấu kinh tế hợp lý, có sức cạnh tranh cao, một kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và ngày một nâng cao năng lực nội lực nội sinh, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ. Nâng cao năng lực

cạnh tranh của các ngành để tận dụng tối đa những lợi ích của hội nhập kinh tế quốc tế. Cần tiến hành đánh giá mức độ cạnh tranh của các ngành, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch nâng cao khả năng cạnh tranh cho những ngành có lợi thế cạnh tranh và định hướng điều chỉnh sản xuất cho các ngành, doanh nghiệp không có khả năng cạnh tranh. Đối với các ngành xuất khẩu chủ lực, cần có chính sách để chuyển dần từ gia công sang tự xuất khẩu. Cần có chính sách thúc đẩy tăng hàm lượng giá trị gia tăng trong tất cả các ngành của nền kinh tế thông qua nâng cấp nhân lực, công nghệ, tiếp cận công nghệ nguồn tốt hơn, hợp tác dài hạn với các đối tác mạnh trong lĩnh vực tương ứng, đa dạng hóa, đổi mới sản phẩm.

- *Chủ trọng thực thi cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh mức độ cam kết và tự do hóa thương mại ngày càng cao hơn*, đồng thời có các điều chỉnh thương mại trên cơ sở cam kết với các tổ chức quốc tế và khu vực để đạt được hiệu quả cao nhất trong việc thực hiện các cam kết thương mại. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta đã trải qua giai đoạn thực hiện các cam kết ban đầu, đến nay quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang ngày càng đi vào chiều sâu, việc thực hiện các cam kết trong giai đoạn mới chắc chắn sẽ có những ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế. Việc thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các cam kết góp phần tạo dựng và nâng cao mức độ tin cậy, đẩy mạnh và chủ động làm sâu sắc hơn quan hệ

với các đối tác tạo điều kiện cho Việt Nam thực hiện lộ trình hội nhập. Mặt khác, điều đó giúp Việt Nam tận dụng tối đa các cơ hội của hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, thúc đẩy thương mại, đầu tư, tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội; tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm.

Chủ động và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế là đòi hỏi thực tiễn khách quan trong xu hướng hội nhập quốc tế hiện nay. Thời gian qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong hội nhập, đã trở thành quốc gia có vị trí cao trên trường quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn tồn tại một số hạn chế, thách thức làm cản trở đến tiến trình hội nhập. Trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng trong thời gian tới, Việt Nam cần xác định quan điểm tiếp tục thực hiện chính sách nhằm chủ động hội nhập một cách có hiệu quả nhất. Thực tế của 30 năm đổi mới đã cho thấy, những gì nước ta đạt được là kết quả của việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và quá trình hiện thực các chính sách, chủ trương đó thành hành động cụ thể. Vì vậy, với chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế được phát triển trong Văn kiện đại hội XII là cơ sở để chúng ta tin tưởng vào những kết quả đạt được của hội nhập kinh tế trong thời gian tới■

Chú thích:

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG, HN.1986.

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd, Nxb. CTQG, Hà Nội.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Sđd, tr.120, 120-121.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Sđd, tr.120, 120-121.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. CTQG, Hà Nội 2001, tr.119

⁶ Xem: Những điểm mới và nội dung quan trọng trong Văn kiện Đại hội XI, Báo Điện tử ĐCSVN, ngày 9/4/2011.

⁷ Dẫn theo: http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr091019080134/nr091019083649/ns120314091238/newsitem_print_preview

⁸ Hoàng Ngọc Hòa (2016). Đảng lãnh đạo chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

⁹ Tổng cục Thống kê (2015). Niên giám Thống kê năm, Nxb Thống kê.

¹⁰ Tổng cục Thống kê (2015). Niên giám Thống kê năm, Nxb Thống kê.

¹¹ Ban Chấp hành TW (2016). Nghị quyết Hội nghị TW 4 (khóa XII) về hội nhập kinh tế quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành TW (1992). Nghị quyết Hội nghị TW 3 (khóa VII).
- Ban chấp hành Trung ương Đảng (2007), Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2007, Về một số chủ trương chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới.
- Ban Chấp hành TW (2016). Nghị quyết Hội nghị TW 4 (khóa XII) về hội nhập kinh tế quốc tế.
- Bộ Chính trị (2001). Nghị quyết 07-NQ/TW ngày 27/11/2001, Về hội nhập kinh tế quốc tế.
- Bộ Chính trị (2013). Nghị quyết 22- NQ/TW ngày 10/4/2013, Về hội nhập kinh tế quốc tế.
- Cục Đầu tư nước ngoài (2015). *Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài 12 tháng năm 2015*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1986). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd*, Nxb. CTQG, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd*, Nxb. CTQG, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1996). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Sđd*, tr.120, 120-121.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, tr.119, Nxb. CTQG, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. *Dự thảo Đề cương các văn kiện trình Đại hội X của Đảng*, tr.14, Nxb. CTQG, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd*, Nxb. CTQG, Hà Nội.
- Hoàng Ngọc Hòa (2016). Đảng lãnh đạo chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Truy cập từ <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/lich-su-dang/books-310520153565356/index-01052015349135659.html>.
- Tổng cục Thống kê (2014). Niên giám thống kê, *Nxb Thống kê*.
- Lê Xuân Sang, Vũ Hoàng Dương (2015). Nhìn lại luồng vốn FDI vào Việt Nam sau gần 30 năm Đổi mới: Kết quả, vấn đề và định hướng chính sách, *Kỷ yếu hội thảo 30 kinh tế Việt Nam*.